

Số: 44 /2013/QĐ-UBND

Kon Tum, ngày 15 tháng 10 năm 2013

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc điều chỉnh, bổ sung danh mục dự án đầu tư
thuộc Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo
quốc phòng - an ninh giai đoạn 2011 - 2015**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Nghị quyết số 32/2010/NQ-HĐND ngày 16/12/2010 của Hội đồng nhân dân tỉnh khóa IX về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh giai đoạn 2011-2015;

Căn cứ Nghị quyết số 16/2012/NQ-HĐND ngày 12/7/2012 của Hội đồng nhân dân tỉnh khóa X về điều chỉnh Nghị quyết số 32/2010/NQ-HĐND ngày 16/12/2010 của Hội đồng nhân dân tỉnh khóa IX về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh giai đoạn 2011-2015;

Căn cứ Nghị quyết số 06/2013/NQ-HĐND ngày 04/7/2013 của Hội đồng nhân dân tỉnh khóa X về thông qua báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ kế hoạch kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng an ninh giai đoạn 2011-2015; điều chỉnh, bổ sung một số nhiệm vụ, giải pháp, dự án, công trình kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng an ninh giai đoạn 2011-2015;

Căn cứ Quyết định số 45/2010/QĐ-UBND ngày 24/12/2010 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - An ninh giai đoạn 2011-2015;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Công văn số 1412/SKHĐT-TH ngày 28 tháng 8 năm 2013,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh, bổ sung danh mục các dự án đầu tư thuộc Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh của tỉnh Kon Tum giai đoạn 2011-2015 đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 45/2010/QĐ ngày 24 tháng 12 năm 2010, cụ thể như sau:

1. Danh mục dự án thuộc Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh giai đoạn 2011 - 2015 điều chỉnh lại nguồn vốn dự kiến đầu tư như tại Phụ lục 01 kèm theo.

2. Danh mục dự án bổ sung vào Danh mục các dự án đầu tư thuộc Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh giai đoạn 2011 - 2015 như tại Phụ lục 02 kèm theo.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày, kể từ ngày ký. Thay thế Quyết định số 974/QĐ-UBND ngày 22 tháng 10 năm 2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc bổ sung danh mục dự án đầu tư thuộc kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh, giai đoạn 2011 - 2015.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đơn vị trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Văn phòng Chính phủ (b/c);
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư (b/c);
- Cục Kiểm tra văn bản Bộ Tư pháp (b/c);
- Thường trực Tỉnh ủy, HĐND tỉnh (b/c);
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Chánh, Phó VP.UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Báo Kon Tum;
- Công báo tỉnh;
- Công thông tin điện tử tỉnh;
- Đài PT-TH tỉnh
- Lưu: VT, KTTH2;

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Hùng



PHỤ LỤC SỐ 01

DANH MỤC CÔNG TRÌNH KẾ HOẠCH 5 NĂM 2011 - 2015 ĐIỀU CHỈNH NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ
(Ban hành kèm theo Quyết định số **AA** /2013/QĐ-UBND ngày **AS** /10/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng.

STT	Danh mục công trình	Địa điểm	Tổng mức đầu tư	Đã đầu tư giai đoạn 2011 - 2013	Nhu cầu vốn còn lại	Trong đó		Dự kiến nguồn vốn đầu tư		Ghi chú
						Giai đoạn 2014 - 2015	Sau 2015	Theo Quyết định 45/2010/QĐ-UBND	Đề nghị điều chỉnh	
			3.417.059	647.241	2.733.087	1.170.715	1.562.372			
1	Công viên giải nước ĐăkBlá	Kon Tum	30.250	16.700				Vốn cân đối NSDP	TW hỗ trợ có mục tiêu	Dừng
2	Trường Trung học nghề lình	Kon Tum	37.919	21.054				TW hỗ trợ có mục tiêu	Vốn NSDP	Dừng
3	Đường Nam Quảng Nam giai đoạn II (phần đoạn Km 160+944 - Km165 và Km 192+507 - Km 209)	Tu Mơ Rông	476.000		476.000	50.000	426.000	Trái phiếu Chính phủ	Huy động khác	
4	Đường Tu Mơ Rông - Ngọc Yếu	Tu Mơ Rông	114.928	92.504	22.000	22.000		Trái phiếu Chính phủ	Trái phiếu Chính phủ + Huy động khác	
5	Đường lữ trung lâm huyện đến xã Đăk Xú huyện Ngọc Hồi (đường trục chính của huyện)	Ngọc Hồi	219.027		219.027	100.000	119.027	Trái phiếu Chính phủ	Huy động khác	
6	Đường Cứu hộ, cứu nạn cho nhân dân vùng lũ, nội đả từ Km 27 TL 678 đến đường Hồ Chí Minh	2 huyện	570.000		570.000	100.000	470.000	Trái phiếu Chính phủ	Huy động khác	
7	Đường cứu hộ cứu nạn từ trung lâm thị trấn Đăk Rve đi xã Tân Lập, Đăk Ruồng, Đăk Tô Re huyện Kon Rẫy	Kon Rẫy	350.000	15.000	335.000	150.000	185.000	Trái phiếu Chính phủ	Huy động khác	
8	Đường giao thông tránh lũ từ thôn 10 xã Đăk Pxi, huyện Đăk Hà đi thôn 2 xã Điện Bình, huyện Đăk Tô	Đăk Hà	275.970	177.000	98.970	98.970		Trái phiếu Chính phủ	Huy động khác	
9	Đường từ thôn 10, xã Đăk Pxi, huyện Đăk Hà đi xã Đăk Hà, huyện Tu Mơ Rông	Đăk Hà	200.000		200.000	100.000	100.000	Trái phiếu Chính phủ	Huy động khác	
10	Đường Đăk Ruồng - Đăk Kôi (Đường giao thông quốc lộ 24 - Đăk Kôi, Km0 - Km 28, huyện Kon Rẫy)	Kon Rẫy	270.000	100.000	170.000	73.000	97.000	Trái phiếu Chính phủ	TW hỗ trợ có mục tiêu	
11	Đường Rơ Manh - Đăk Rìng	Kon Plong	172.000		172.000	172.000		Trái phiếu Chính phủ	Huy động khác	
12	Kè chống sạt lở sông ĐăkBlá (đoạn qua làng Plei Đôn và Kon Rờ Bàng TP Kon Tum)	Kon Tum	351.195	197.850	153.345	153.345		Trái phiếu Chính phủ	TW hỗ trợ có mục tiêu+ Huy động khác	



13	Kê chống say 15 Ngạc Hồ, Sông Đak Tô Kan - Đak Tô	Đak Tô	100.000		100.000	50.000	50.000	50.000	Trái phiếu Chính phủ	Huy động khác	
14	Trung tâm Y tế dự phòng tỉnh	Kon Tum	30.542	23.250	1.400	1.400	1.400		TW hỗ trợ có mục tiêu	TW hỗ trợ có mục tiêu + Ngân sách địa phương	
15	Năng cấp bệnh viện Đa khoa tỉnh	Kon Tum	109.228	1.950	107.278	50.000	57.278	57.278	Trái phiếu Chính phủ	Huy động khác	
16	Năng cấp bệnh viện Đa khoa khu vực Ngọc Hồi	Ngọc Hồi	110.000	1.933	108.067	50.000	58.067	58.067	Trái phiếu Chính phủ	Huy động khác	

PHỤ LỤC SỐ 02
DANH MỤC DỰ ÁN BỔ SUNG VÀO KẾ HOẠCH 5 NĂM 2011 - 2015

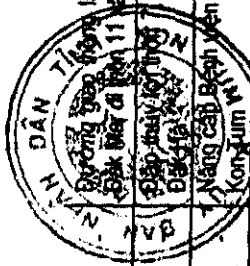
(Ban hành kèm theo Quyết định số **44** /2013/QĐ-UBND ngày 15/10/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Tổng mức đầu tư	Nhu cầu còn lại	Kế hoạch đầu tư giai đoạn 2011 -2015					Ghi chú
					Trong đó: Chia theo nguồn vốn					
					Vốn NSDP	TW hỗ trợ có mục tiêu	TPCP	Vốn nước ngoài (ODA)	Huy động khác	
	Tổng số		7.154.947	7.154.947	4.316.230	397.802	1.749.728	1.161.213	1.007.487	
	Chính sách mới của TW		1.800.303	1.800.303	1.450.213	34.000	255.000	1.161.213		
1	Dự án giảm nghèo khu vực Tây Nguyên tỉnh Kon Tum	6 huyện	550.000	550.000	330.000		30.000	300.000		
2	Kế chống lũ lụt đồng bào dân tộc thiểu số dọc sông Đăk Bla (đoạn từ làng Plei Groi đến làng Kon Klor 2 và từ làng Kon Hra Chốt đến làng Kon Tum Kơ Pong)	Kon Tum	895.213	895.213	895.213	34.000		861.213		
3	Các dự án thuộc Đề án thực hiện chính sách đầu tư cơ sở hạ tầng theo Quyết định số 293/QĐ-TTg, huyện Kon Rẫy	Kon Rẫy	125.000	125.000	75.000		75.000			
4	Các dự án thuộc Đề án thực hiện chính sách đầu tư cơ sở hạ tầng theo Quyết định số 293/QĐ-TTg, huyện Sa Thầy	Sa Thầy	105.090	105.090	75.000		75.000			
5	Các dự án thuộc Đề án thực hiện chính sách đầu tư cơ sở hạ tầng theo Quyết định số 293/QĐ-TTg, huyện Đăk Glei	Đăk Glei	125.000	125.000	75.000		75.000			
II	THUỘC CÁC CHƯƠNG TRÌNH, MỤC TIÊU CỦA CHÍNH PHỦ NHƯNG CHƯA CÓ TRONG KẾ HOẠCH 5 NĂM		1.978.647	1.978.647	1.978.647	343.802	826.634		808.211	
1	Dự án đầu tư Nghề trọng điểm thuộc Chương trình MTOG giai đoạn 2011 - 2015 vùng Tây Nguyên tại Trường Trung cấp nghề Kon Tum	Kon Tum	20.000	20.000	20.000		20.000			
2	Đầu tư hạ tầng cụm công nghiệp		312.735	312.735	312.735		42.000		270.735	



-	Cụm công nghiệp Thành Trung, thành phố Kon Tum	Kon Tum	86.627	86.627	86.627	86.627	6.000				80.627
-	Cụm Công nghiệp TTCN Đắk Hno, thành phố Kon Tum	Kon Tum	26.108	26.108	26.108	26.108	6.000				20.108
-	Cụm công nghiệp huyện Kon Plong	Kon Plong	28.000	28.000	28.000	28.000	6.000				22.000
-	Cụm công nghiệp Đắk Xú	Ngọc Hồi	25.000	25.000	25.000	25.000	6.000				19.000
-	Cụm công nghiệp thị trấn Plei Kản	Ngọc Hồi	15.000	15.000	15.000	15.000	6.000				9.000
-	Cụm công nghiệp Mỏ Pá	Tu Mơ Rông	20.000	20.000	20.000	20.000	6.000				14.000
-	Cụm công nghiệp Đắk La	Đắk Hà	112.000	112.000	112.000	112.000	6.000				106.000
-	Các dự án bảo vệ và phát triển rừng giai đoạn 2011-2015	Toàn tỉnh	376.073	376.073	376.073	258.063	118.010				
-	Các dự án đầu tư theo nguồn hỗ trợ có mục tiêu từ ngân sách Trung ương		343.600	343.600	343.600	1.300	139.824				202.476
-	Đầu tư hạ tầng Trung tâm sản xuất giống cá nước lạnh Măng Đen	Kon Plong	13.000	13.000	13.000	1.300	11.700				
-	Tượng đài trung tâm huyện Tu Mơ Rông	Tu Mơ Rông	4.790	4.790	4.790		4.790				
-	Đường giao thông từ đường Hồ Chí Minh đi xã Đắk Áng	Ngọc Hồi	45.557	45.557	45.557		27.334				18.223
-	Đường giao thông từ xã Đắk Tô Re đi làng Kon Long Buk, Kon Xom Luk và làng Kon Đơ Xing huyện Kon Rẫy	Kon Rẫy	96.000	96.000	96.000		96.000				
-	Kè chống sạt lở suối Đắk Sĩa đoạn qua xã Sa Nhôm, xã Sa Nghĩa và thị trấn Sa Thầy	Sa Thầy	184.253	184.253	184.253						184.253
5	Đầu tư hạ tầng tại Khu du lịch Măng Đen		206.900	206.900	206.900		206.900				
-	Đường từ khu trung tâm hành chính huyện đi khu du lịch dịch vụ chất lượng cao phía Tây đô thị Kon Plong	Kon Plong	96.300	96.300	96.300		96.300				
-	Hồ Cảnh quan và phục vụ nước sinh hoạt Kon Tu Răng	Kon Plong	60.600	60.600	60.600		60.600				
-	Trung tâm hội nghị khu vực tại Măng Đen	Kon Plong	50.000	50.000	50.000		50.000				
6	Các công trình đã có chủ trương của Thường trực HĐND tỉnh		419.439	419.439	419.439	84.439					335.000



7	Đường giao thông liên xã từ thôn 5 xã Đắk Mây đi thôn 11 xã Đắk Hring	Đắk Hà	133.000	133.000	133.000	133.000	48.000				85.000
	Đường giao thông xã Đắk Hring huyện Đắk Hà	Đắk Hà	250.000	250.000	250.000	250.000					250.000
	Mạng cấp điện văn y học cơ truyền tỉnh Kon Tum	Kon Tum	36.439	36.439	36.439	36.439	36.439				
	Cum thay lợi Măng Bút, huyện Kon Plong	Kon Plong	299.900	299.900	299.900	299.900		299.900			
III	CÔNG TRÌNH CẤP BẠCH CỦA ĐỊA PHƯƠNG										
1	Các dự án phụ vụ di chuyển trung tâm hành chính		1.537.860	1.537.860	1.537.860	1.537.860	20.000			249.957	149.276
-	Quảng trường trung tâm huyện Kon Rẫy	Kon Rẫy	15.681	15.681	15.681	15.681		15.681			
-	Đường bao khu dân cư phía Nam thành phố Kon Tum đoạn từ đường Hồ Chí Minh đến cầu treo Kon Klor)	Kon Tum	236.767	236.767	236.767	236.767		49.500			49.500
-	Đường bao khu dân cư phía Bắc thành phố Kon Tum (đoạn từ đường Hồ Chí Minh đến cầu treo Kon Klor)	Kon Tum	250.412	250.412	250.412	250.412		49.776			49.776
-	Đường bao phía Tây thị trấn Plei Kán (tiếp đầu giáp với đường Nguyễn Sinh Sắc, điểm cuối giáp với đường N5)	Ngọc Hồi	85.000	85.000	85.000	85.000		85.000			
-	Cơ sở hạ tầng lại Khu Trung tâm hành chính mới của tỉnh	Kon Tum	950.000	950.000	950.000	120.000	20.000				50.000
2	Các công trình liên kết nối vùng để định hướng năng cấp thành tỉnh lộ, quốc lộ		382.476	382.476	382.476	382.476		382.476			
-	Đường từ cầu Đắk Ang đến xã Đắk Rơ Nga	Đắk Tô	18.000	18.000	18.000	18.000		18.000			
-	Đường GTNT từ xã Đắk La đi xã Ngọc Ráo, huyện Đắk Hà	Đắk Hà	120.000	120.000	120.000	120.000		120.000			
-	Đường giao thông tránh lũ từ xã Đắk Hring huyện Đắk Hà đi xã Diên Bình và thị trấn Đắk Tô	Đắk Tô	150.000	150.000	150.000	150.000		150.000			
-	Đường GTNT từ xã Đắk Tô Re huyện Kon Rẫy đi xã Ngọc Ráo huyện Đắk Hà	Kon Rẫy	94.476	94.476	94.476	94.476		94.476			
3	Các công trình bức xúc khác		1.455.661	1.455.661	1.455.661	85.661		35.661			50.000
-	Đường giao thông từ Sa Nghĩa đi xã Hơ Moong	Sa Thủy	35.661	35.661	35.661	35.661		35.661			
-	Đầu tư bảo tồn và phát triển Sâm Ngọc Linh	Tu Mơ Rông	1.420.000	1.420.000	1.420.000	50.000					50.000